TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn B, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Kiều L, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Phan Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Kiều L tổ chức đám cưới năm 2013, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh và chị L đã sống ly thân gần 06 năm nay, không ai còn quan tâm, lo lắng cho nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 người con là Phan Ngọc Ý, sinh ngày 29/12/2014, hiện tại đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị Lê Kiều L, nhưng chị L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh B; 2 lần Tòa án thông báo hòa giải và 2 lần triệu tập xét xử nhưng chị L cũng không tham dự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh B và chị L chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian dài, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận cho anh B ly hôn với chị L mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B yêu cầu giao con cho chị L nuôi dưỡng, xét thấy cháu Ngọc Ý là con gái, mới hơn 6 tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ, nên cần tiếp tục giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định không có, chị L không phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng; Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn B và chị Lê Kiều L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn B. Giao cháu Phan Ngọc Ý, sinh ngày 29/12/2014 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Không buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn B phải chịu là 300.000 đồng. Anh B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm

tại biên lai thu tiền số 0010207 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liêu Chí Khanh